

Số: **6538**/TCHQ- TXNK

Hà Nội, ngày **04** tháng **11** năm 2013

V/v xác định trị giá tính thuế
hàng nhập khẩu

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 2980/HQBRVT-TXNK ngày 17/10/2013 của Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu báo cáo về việc thực hiện chỉ đạo của Tổng cục Hải quan trên Hệ thống GTT01 đối với các mặt hàng xe tải, xe khách đã qua sử dụng hiệu Hyundai, Kia, xuất xứ Hàn Quốc nhập khẩu. Qua xem xét, Tổng cục thấy Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã thực hiện kiểm tra tham vấn, xác định giá tính thuế đối với một số mặt hàng nêu trên chưa đúng chỉ đạo của Tổng cục Hải quan và chưa đúng hướng dẫn theo quy định tại Thông tư 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính, cụ thể:

1. Xác định trị giá tính thuế hoặc chấp nhận trị giá khai báo thấp hơn mức giá kiểm tra và thông tin tại cơ sở dữ liệu giá:

| Stt | Số/ngày tờ khai | Tên hàng | Đơn giá KB (USD) | Đơn giá HQBRVT xác định (USD) | Mức giá kiểm tra | Mức giá trên Hệ thống GTT01 |
|---|---------------------------|--|------------------|-------------------------------|------------------|--|
| I. Đối với xe ô tô khách hiệu Hyundai: | | | | | | |
| 1 | 9/NKD ngày 15/8/2013 | Xe ô tô khách thành phố hiệu Hyundai Super Aero City (33 chỗ ngồi + 27 chỗ đứng) đã qua sử dụng, sản xuất 2008, xuất xứ Hàn Quốc | 9400 | 10000 | 30000 | |
| 2 | 7/NKD ngày 29/6/2013 | Xe ô tô khách hiệu Hyundai Universe Luxury, đã qua sử dụng, sản xuất 2008, 47 chỗ, xuất xứ Hàn Quốc | 29000 | 29000 | 30000 | 30000 (Tờ khai số 7670/NKD ngày 10/4/2013 tại Chi cục HQCK Cảng HP KVII) |
| II. Đối với xe tải 1.2 tấn hiệu Kia Bongo III, đã qua sử dụng, xuất xứ Hàn Quốc: | | | | | | |
| 1 | 6/NKD ngày 27/6/2013 | - Loại xe sản xuất năm 2011 | 3700 | 3700 | 4600 | 4600 (TK 12513/NKD ngày 03/6/2013 tại Chi cục HQCK Cảng HP KVII) |
| | 11/NKD ngày 04/9/2013; số | - Loại xe sản xuất năm 2010 | 3450; 3500; | 3600; 3650; | 4400 | 4400 (TK13855/NK |

| | | | | | | |
|---|---|-----------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------------|---|
| 2 | 8/NKD ngày 12/8/2013; số 13/NKD ngày 17/9/2013; số 3/NKD ngày 10/5/2013; 6/NKD ngày 27/6/2013 | | 3550; 3600; 3700 | 3700 | | D ngày 06/8/2013; 9752/NKD ngày 13/6/2013 tại Chi cục HQCK Cảng HP KVIII) |
| 3 | 3/NKD ngày 10/5/2013; 6/NKD ngày 27/6/2013; 8/NKD ngày 12/8/2013; 15/NKD ngày 23/10/2013; số 2/NKD ngày 26/4/2013 | - Loại xe sản xuất năm 2009 | 3400; 3450; 3500 | 3400; 3450; 3500 | 4000 (DM348) 4200 (DM328 6) | 4200 (TK số 11374/NKD ngày 21/5/2013 tại Chi cục HQCK Cảng HP KVII; 11072/NKD ngày 05/8/2013 tại Chi cục HQ Điện tử Hải Phòng) |
| 4 | 3/NKD ngày 10/5/2013; 8/NKD ngày 12/8/2013 | - Loại xe sản xuất năm 2008 | 3250; 3350 | 3350 | 3800 (DM348); 4000 (DM328 6) | 4000 (TK 12660/NKD ngày 01/8/2013 tại Chi cục HQCK Cảng HP KVI; 10082/NKD ngày 07/5/2013 tại Chi cục HQCK Cảng HP KVII) |
| III. Đối với xe tải 1 tấn, hiệu Hyundai Porter II, đã qua sử dụng, xuất xứ Hàn Quốc: | | | | | | |
| 1 | 11/NKD ngày 4/9/2013; 12/NKD ngày 17/9/2013 | - Loại xe sản xuất năm 2010 | 3600; 3650 | 3600; 3650 | 4200 | 4200 (TK19717/NK D ngày 27/8/2013 tại Chi cục HQCK Cảng HP KVII) |
| 2 | 12/NKD ngày 17/9/2013; 15/NKD ngày 23/10/2013; 2/NKD ngày 26/4/2013 | - Loại xe sản xuất năm 2009 | 3400; 3450 | 3400; 3450 | 4000 | 4000 (TK 12458 tại Chi cục HQ Điện tử Hải Phòng; TK193/NKD ngày 24/4/2013 tại HQ Cảng Vict) |
| 3 | 2/NKD ngày 26/4/2013 | - Loại xe sản xuất năm 2008 | 3250 | 3350 | 3800 | 3800 (TK 193/NKD ngày 24/4/2013) |

2. Về việc thực hiện chỉ đạo của Tổng cục Hải quan:

Ngày 24/7/2013, Tổng cục Hải quan đã có chỉ đạo trên Hệ thống GTT01: Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xác định trị giá tính thuế đúng quy

định đối với mặt hàng xe tải 1.2 tấn, hiệu KIA BONGO III, sản xuất 2008; 2009; 2010, xe đã qua sử dụng, tổng trọng lượng có tải tối đa không quá 5 tấn, xuất xứ Hàn Quốc nhập khẩu tại tờ khai số 3/NKD ngày 10/5/2013; số 1/NKD ngày 16/4/2013 và mặt hàng xe tải 1 tấn, Hiệu Hyundai Porter II, sản xuất 2008; 2010, xe đã qua sử dụng, tổng trọng lượng có tải tối đa dưới 5 tấn, xuất xứ Hàn Quốc nhập khẩu tại tờ khai số 2/NKD ngày 26/4/2013. Tuy nhiên, đến nay Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vẫn không thực hiện đúng chỉ đạo của Tổng cục Hải quan mà vẫn để tình trạng xác định trị giá tính thuế các mặt hàng nêu trên thấp hơn mức giá kiểm tra và cơ sở dữ liệu giá.

3. Về nội dung báo cáo tại công văn số 2980/HQBRVT-TXNK ngày 17/10/2013 của Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu:

Theo báo cáo Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã xác định trị giá tính thuế và chấp nhận trị giá khai báo mặt hàng nhập khẩu tại các tờ khai nêu trên thấp hơn mức giá kiểm tra tại Danh mục rủi ro hàng nhập khẩu cấp Tổng cục và cơ sở dữ liệu giá với lý do có xem xét đến các yếu tố ảnh hưởng đến trị giá như: thời gian hoạt động của xe, chế độ bảo dưỡng trước khi nhập khẩu, điều kiện môi trường hoạt động của xe trước khi nhập khẩu... do có các yếu tố này nên chất lượng của các mặt hàng xe nêu trên đăng ký tại Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu không tốt bằng mặt hàng giống hệt, tương tự so với các doanh nghiệp khác nhập khẩu.

Qua xem xét, Tổng cục Hải quan thấy rằng giải trình của Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là không phù hợp vì thiếu các tài liệu cụ thể để chứng minh các yếu tố có ảnh hưởng đến trị giá tính thuế của các mặt hàng nêu trên đăng ký tại Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu so với mặt hàng giống hệt, tương tự có trên Hệ thống GTT01; thiếu các số liệu khách quan, định lượng được để xác định mức độ giảm trừ (nếu được phép giảm trừ) so với mặt hàng giống hệt, tương tự.

Để việc kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá tính thuế đúng quy định tại Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ; Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính; Quyết định số 1102/QĐ-BTC ngày 21/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 103/QĐ-TCHQ ngày 24/01/2011; công văn số 3286/TCHQ-TXNK ngày 14/6/2013 của Tổng cục Hải quan. Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu:

1. Chấm dứt ngay tình trạng xác định trị giá tính thuế thấp hơn cơ sở dữ liệu giá theo đúng quy định tại khoản b mục 3 Phần II Quyết định số 1102/QĐ-BTC ngày 21/05/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và điểm 1.2 khoản 1 công văn số 3286/TCHQ-TXNK ngày 14/6/2013 của Tổng cục Hải quan; chấn chỉnh việc thực hiện các chỉ đạo của Tổng cục;


2. Báo cáo cơ sở xác định trị giá đối với các mặt hàng nêu trên; cơ sở xác định trị giá tính thuế 10000USD/chiếc đối với mặt hàng Xe ô tô khách thành phố hiệu Hyundai Super Aero City (33 chỗ ngồi + 27 chỗ đứng), sản xuất năm 2008, đã qua sử dụng, tay lái thuận nguyên gốc nhập khẩu tại tờ khai số 9/NKD ngày 15/8/2013. Báo cáo giải trình, làm rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân trong quy trình kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá tính thuế đối với các

trường hợp xác định trị giá tính thuế thấp hơn cơ sở dữ liệu giá. Đặc biệt là các trường hợp xác định giá thấp hơn mức giá kiểm tra sau khi đã có chỉ đạo của Tổng cục;

3. Rà soát lại việc tổ chức tham vấn và xác định trị giá không đúng quy định đối với mặt hàng xe bus, xe tải và các mặt hàng khác để tổ chức tham vấn, xác định trị giá tính thuế theo đúng quy định.

4. Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung trên về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK) trước ngày 15/11/2013).

Tổng cục Hải quan thông báo để Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu được biết và thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- PTCT Hoàng Việt Cường (để b/c);
- Cục HQ các tỉnh, thành phố (để biết);
- Lưu: VT, TXNK-PG(5b).

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ XNK
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Phạm Mạnh Tường